T□A □N NHÂN DÂN
T□NH KI□N GIANG

C□NG H□A X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2019
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
N□□C C□NG H□A X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Tâm

Ông Thái Ngọc Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Bảnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về "xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố PH , thị trấn GQ, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* anh LU, CHUN-CH, sinh năm 1977 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường XD, khóm 003, phường BN, khu TD, thành phố CH, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh LU, CHUN-CH quen biết nhau qua mai mối, sau đó tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện GQ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được thời gian ngắn tại Việt Nam,

anh LU, CHUN-CH về lại Đài Loan và làm thủ thục bảo lãnh chị qua Đài Loan nhưng không được. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh LU, CHUN-CH về Đài Loan không trở lại thăm nom, chăm sóc chị cũng như không liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh LU, CHUN-CH để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: chị xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Anh LU, CHUN-CH trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau được thời gian ngắn tại Việt Nam, anh về lại Đài Loan và làm thủ thục bảo lãnh chị L qua Đài Loan nhưng không được. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, lối sống, mặc dù có hàn gắn nhưng không thành. Do khoảng cách về địa lý, anh rất ít khi về thăm chị L, tình cảm vợ chồng cũng không còn. Nay chị L xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Vì anh sinh sống tại Đài Loan, không có điều kiện để về tham dự phiên tòa nên anh xin được vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn anh LU, CHUN-CH có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh LU, CHUN-CH.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh LU, CHUN-CH đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện GQ cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/11/2017 theo đúng quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị L và anh LU, CHUN-CH đều thống nhất xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng.

Theo chị L thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống xa cách, sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì anh LU, CHUN-CH về lại Đài Loan và làm thủ thục bảo lãnh chị qua Đài Loan nhưng không được. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù đã hàn gắn nhưng không có kết quả. Còn anh LU, CHUN-CH cũng xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể hàn gắn được. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh LU, CHUN-CH không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, hiện nay anh LU, CHUN-CH sống ở Đài Loan, còn chị L sống tại Việt Nam, giữa vợ chồng không có sự liên lạc nào với nhau nên không có khả năng đoàn tụ, cả hai người đều tự nguyện đồng ý ly hôn. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh LU, CHUN-CH.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị L phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh LU, CHUN-CH.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị L phải chịu án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007084 ngày 16/10/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh LU, CHUN-CH có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Đối với chị L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.